TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 8 – 2025
V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Thỏ.

2. Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Mỹ T**, sinh năm 1985. Căn cước công dân số: 094185008291, cấp ngày 29-12-2024. Địa chỉ: Ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ T trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Hồ Thị Mỹ T và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên là Trần Tấn T1, sinh ngày 29-12-2005 và Trần Tấn L, sinh ngày 15-12-2007. Hiện tại, cả hai con đều đã trưởng thành, đang sống chung với gia đình tại ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ. Trong thời gian chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, bà thấy tình cảm giữa hai người đã không còn, không thể sống chung như vợ chồng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Hồ Thị Mỹ T và ông Trần Văn Đ là vợ chồng. Về

con chung, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Trần Văn Đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ); yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ) có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật giải quyết được xác định về việc "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ T:

[4] Về quan hệ hôn nhân, theo nguyên đơn trình bày, giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ T và bị đơn ông Trần Văn Đ có mối quan hệ chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới mà không đăng ký kết hôn từ năm 2003. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo cho ông Trần Văn Đ biết yêu cầu khởi kiện và chứng cứ mà bà Hồ Thị Mỹ T đã nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay cuộc sống chung không còn hạnh phúc, một bên yêu cầu Tòa án không công nhận họ là vợ chồng nên HĐXX chấp nhận, tuyên bố không công nhận bà Hồ Thị Mỹ T và ông Trần Văn Đ là vợ chồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Đều đã thành niên, không ai có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 16, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ T.

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị Mỹ T và ông Trần Văn Đ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung của nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009902 ngày 10-6-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố C).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- UBND xã Tân Long, Tp. Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm